



VASS ASSURANCE CORPORATION
Today Not Tomorrow

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH DOANH 2023 - PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, nay Công ty báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023 và thông qua phương hướng hoạt động năm 2024 như sau:

I. Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh 2023

DVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2023	% Phí thuần	31/12/2022	% Phí thuần
1, Doanh thu phí bảo hiểm	1	507.588.908.413		504.993.806.303	
2, Phí nhượng tái bảo hiểm	2	60.129.008.034		87.775.368.678	
3, Doanh thu phí bảo hiểm thuần	3	447.459.900.379	100,00%	417.218.437.625	100,00%
4, Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4	8.417.818.213		9.831.103.073	
5, Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10= 03+04)	10	455.877.718.592		427.049.540.698	
6, Chi bồi thường	11	51.074.288.249	10,38%	80.572.843.415	19,17%
7, Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	3.166.870.688		7.025.821.526	
8, Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	11.953.656.006		-29.906.009.949	
9, Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	(2.260.687.866)		-6.709.201.042	
10, Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	62.121.761.433	13,88%	50.350.212.982	12,07%
11, Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16	4.620.319.647	0,94%	3.996.279.312	0,95%
12, Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	280.573.381.862		292.361.259.587	
13, Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	18	347.315.462.942	77,62%	346.707.751.881	83,10%
14, Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19= 10 - 18)	19	108.562.255.650	24,26%	80.341.788.817	19,26%
15, Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	25	(12.477.635.614)		-6.700.552.159	
16, Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	97.096.960.779	19,73%	106.633.317.664	25,37%
17, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 19 + 25 - 26)	30	(1.012.340.743)		-32.992.081.006	
18, Lợi nhuận khác	40	2.024.953.710		34.132.691.028	
19, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50	1.012.612.967	0,23%	1.140.610.022	0,27%
20, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	525.065.845		785.262.875	

- Năm 2023 doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt khoảng 508 tỷ tăng khoảng 0,5% so với năm 2022 và đạt kế hoạch đặt ra là 491 tỷ.
- Chi bồi thường giảm so với năm 2022, từ 19,17% của năm 2022 xuống 10,38% năm 2023.
- Công ty có 1 khoản vay tài chính, nên tiền lãi đã chi ra là 8,17 tỷ.
- Lợi nhuận giảm nhẹ so với năm 2022, một khoản 128 triệu tương đương giảm 0,05%.

TÀI SẢN	MÃ SỐ	31/12/2023	31/12/2022	Tăng(+) giảm (-)
A, TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 +190)	100	552.690.225.652	449.969.027.692	102.721.197.960
I, Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.562.691.420	3.452.789.832	2.109.901.588
II, Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	300.509.846.069	263.688.823.488	36.821.022.581
III, Các khoản phải thu ngắn hạn	130	203.569.606.954	109.931.510.395	93.638.096.559
IV, Hàng tồn kho	140	206.382.260	463.849.373	(257.467.113)
V, Tài sản ngắn hạn khác	150	18.898.174.968	20.955.750.729	(2.057.575.761)
VI, Tài sản tái bảo hiểm	190	23.943.523.981	51.476.303.875	(27.532.779.894)

B, TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 +230+ 240 + 250 + 260)	200	503.146.452.991	624.016.696.685	(120.870.243.694)
I, Các khoản phải thu dài hạn	210	61.623.278.248	61.608.529.488	14.748.760
II, Tài sản cố định	220	371.906.119.749	387.574.572.618	(15.668.452.869)
III, Bất động sản đầu tư	240		-	
IV, Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	69.267.364.837	174.733.374.302	(105.466.009.465)
V, Tài sản dài hạn khác	260	349.690.157	100.220.277	249.469.880
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	1,055,836,678,643	1.073.985.724.377	(18.149.045.734)

Chỉ số tài chính		31/12/2023	31/12/2022	
1, Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)		0,04%	0,07%	-0,03%
2, Hiệu quả sử dụng tài sản(Doanh thu thuần/tổng tài sản)		43,1%	39,7%	3,40%

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	31/12/2023	31/12/2022	Tăng(+) giảm (-)
A, NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320 +330)	300	709.792.146.397	728.466.257.976	(18.674.111.579)
I, Nợ ngắn hạn	310	602.850.570.553	617.685.402.780	(14.834.832.227)
II, Nợ dài hạn	330	106.941.575.844	110.780.855.196	(3.839.279.352)

B, VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	346.044.532.246	345.519.466.401	525.065.845
I, Vốn chủ sở hữu	410	346.044.532.246	345.519.466.401	525.065.845
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	1.055.836.678.643	1.073.985.724.377	(18.149.045.734)

Chỉ số tài chính		31/12/2023	31/12/2022	
1, Tỷ số nợ (Tổng nợ/tổng tài sản)		67,22%	67,82%	-0,60%
2, Tỷ suất sinh lời trên vốn CSH (LN sau thuế/vốn CSH)		0,15%	0,22%	-0,07%

- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng khoảng 2,1 tỷ so với năm 2022, trong khi đó các khoản đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn tăng khoảng 36,8 tỷ do tăng tiền gửi có kỳ hạn.
- Tài sản tái bảo hiểm giảm 27,5 tỷ do giảm dự phòng phí nhượng tái của nghiệp vụ dự nợ tín dụng so với năm 2022.
- Tỷ suất sinh lời, xem như bằng 0.
- Không hiệu quả trong việc sử dụng tài sản, hệ số là 0,43 < 1.
- Nợ ngắn hạn giảm khoảng 14,8 tỷ so với năm 2022, là do giảm tiền vay và tiền bồi thường phải trả cho khách hàng.
- Vốn chủ sở hữu đạt theo luật định là 346 tỷ, không thay đổi nhiều so với năm 2022.
- Tỷ số nợ khá cao, chiếm 67,22%, không cân đối giữa nợ và tài sản hiện có.
- Tỷ suất sinh lời chỉ đạt 0,15%, không hiệu quả trong việc sử dụng vốn, so với lãi suất ngân hàng cùng thời điểm.

II. Tình hình thực hiện so với kế hoạch 2023

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2023		Thực hiện 2023	
	Số tiền	%	Số tiền	%
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	440.378.000.000		492.026.913.786	112%
Doanh thu phí bảo hiểm thuần	405.218.820.650	100%	447.459.900.379	100%
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	356.592.562.172	88%	347.315.462.942	77,6%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	57.946.291.353	14,3%	97.096.960.779	19,7%
Chi bồi thường bảo hiểm	56.730.634.891	14%	51.074.288.249	10,4%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(24.210.329.693)	-6%	525.065.845	0,11%
Nợ phí bảo hiểm		2%		11%
Tỷ lệ tái tục		50%		50%

- Doanh thu phí bảo hiểm gốc năm 2023 đạt 112% so với kế hoạch, doanh thu thuần phí bảo hiểm tăng 42 tỷ, tương đương tăng 10%.
- Chi phí bồi thường giảm 3,6 % so với kế hoạch đặt ra.

- Năm 2023, Công ty không hoàn thành việc kiểm soát chi phí so với kế hoạch đặt ra, chi phí quản lý tăng 5,4%, tuy nhiên do doanh thu thuần tăng nên lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch (theo kế hoạch lợi nhuận là – 24 tỷ).

III. Phương hướng hoạt động năm 2024:

1. Định hướng 2024

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2024	
	Số tiền	%
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	498.880.000.000	
Doanh thu phí bảo hiểm thuần	479.000.000.000	100%
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	359.250.000.000	75%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	71.850.000.000	15%
Chi bồi thường bảo hiểm	47.900.000.000	10%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.790.000.000	1%
Nợ phí bảo hiểm		2%
Tỷ lệ tái tục		50%

Doanh số kế hoạch tương đương với kế hoạch năm 2023, vì Công ty đã mất một số khách hàng bancass.

a) **Giải pháp thực hiện Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Tăng cường tuyển dụng nhân sự kinh doanh (đảm bảo chất lượng và số lượng).
- Triển khai hệ thống kinh doanh điện tử.
- Nâng cao việc phục vụ khách hàng.
- Tăng cường mối quan hệ các cơ quan ban ngành, ngân hàng, các tổ chức tín dụng.
- Tăng tỷ lệ tái tục hợp đồng.
- Tiếp tục chuẩn hóa về công tác quản lý toàn hệ thống bằng phần mềm.
- Tiến tới chuẩn hóa quản trị hệ thống theo ISO.
- Tiếp tục hoàn thiện và phát triển những sản phẩm, quyền lợi đạt hiệu quả. Nói không với việc chạy theo doanh thu và cạnh tranh phí kỹ thuật.
- Nâng cao chất lượng nhân sự thông qua chính sách tuyển dụng, đào tạo và đãi ngộ, có chính sách đưa nhân sự ra nước ngoài đào tạo.
- Tăng cường việc giám sát và thực thi tính tuân thủ toàn công ty.
- Tăng cường công tác phòng chống trục lợi bảo hiểm.
- Thực hành tiết kiệm.

b) Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn

- Tuân thủ các quy định của cơ quan chính phủ, đặc biệt là bộ tài chính.

- Cạnh tranh lành mạnh và tuân theo các quy định kỹ thuật trong bảo hiểm phi nhân thọ.
- Sản phẩm bảo hiểm phù hợp với người tiêu dùng Việt.
- Đảm bảo được lợi ích khách hàng, nhân viên và cổ đông.
- Mục tiêu lợi nhuận.
- Nơi làm việc mong đợi.
- Nơi đầu tư lý tưởng.
- Tăng cường đóng góp các chương trình vì đồng bào Việt.

Trên đây là một số nhiệm vụ và biện pháp mang tính định hướng làm cơ sở cho việc lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện kế hoạch năm 2024. Trong quá trình thực hiện HĐQT và Ban Giám Đốc sẽ có sự phối hợp với tổ chức đoàn thể nhằm cụ thể hóa các hoạt động để kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn nữa.

Trân trọng,

TỔNG GIÁM ĐỐC

HUY NH THÁI HÒA





VASS ASSURANCE CORPORATION
Today Not Tomorrow

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023 VÀ
KẾT QUẢ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông báo cáo Đại hội tình hình tài chính và Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore (AISC) kiểm toán dựa trên các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông năm 2023 như sau:

I. Về doanh thu

1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm: 455,877,718,592 đồng

Trong đó:

- Phí bảo hiểm gốc:	492,026,913,786 đồng
- Phí nhận tái bảo hiểm:	4,861,966,914 đồng
- Dự phòng phí BH gốc và nhận tái BH:	10,700,027,713 đồng
- Phí nhượng tái bảo hiểm:	34,856,916,006 đồng
- Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm:	25,272,092,028 đồng
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm:	8,417,818,213 đồng

2. Doanh thu hoạt động tài chính: 18,106,316,742 đồng

3. Thu nhập khác: 32,285,076,816 đồng

II. Về chi phí

1. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm: 347,315,462,942 đồng

Trong đó:

- Tổng chi bồi thường bảo hiểm:	51,074,288,249 đồng
- Dự phòng dao động lớn:	4,620,319,647 đồng
- Chi hoa hồng bảo hiểm:	63,114,278,240 đồng
- Chi phí khác hoạt động KD bảo hiểm:	217,459,103,622 đồng

2. Chi phí hoạt động tài chính: 30,583,952,356 đồng

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp: 97,096,960,779 đồng

III. Chi phí khác: 30,260,123,106 đồng



IV. Về kết quả:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 1,012,612,967 đồng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 525,065,845 đồng
Lỗ Lũy kế: (356,224,739,808) đồng

V. Kết luận

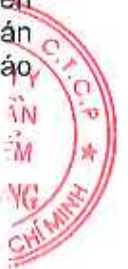
Trên đây là Báo cáo tình hình tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty AISC. Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán "Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính"

Trân trọng.

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐẶNG ĐỨC HOÀNG



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tới ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		552.690.225.652	449.969.027.692
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	5.562.691.420	3.452.789.832
1. Tiền	111		5.562.691.420	3.452.789.832
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	300.509.846.069	263.688.823.488
1. Đầu tư ngắn hạn	121		308.160.491.696	275.233.606.237
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.650.645.627)	(11.544.782.749)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		203.569.606.954	109.931.510.395
1. Phải thu của khách hàng	131	V.03a	74.991.272.010	53.727.074.386
2. Trả trước cho người bán	132	V.03b	209.550.000	251.460.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	V.04	176.798.022.597	83.748.362.811
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.03-04	(48.429.237.653)	(27.795.386.802)
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	206.382.260	463.849.373
1. Hàng tồn kho	141		206.382.260	463.849.373
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.898.174.968	20.955.750.729
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	18.898.174.968	20.955.750.729
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		18.243.734.211	20.416.085.866
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		654.440.757	539.664.863
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
VIII Tài sản tái bảo hiểm	190	V.07	23.943.523.981	51.476.303.875
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		19.621.477.528	44.893.569.555
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		4.322.046.453	6.582.734.320

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		503.146.452.991	624.016.696.685
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		61.623.278.248	61.608.529.488
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03a	84.648.685.636	84.648.685.636
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.04	61.623.278.248	61.608.529.488
4.1. Ký quỹ, ký cược	218.1		1.623.278.248	1.608.529.488
4.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		60.000.000.000	60.000.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.03a	(84.648.685.636)	(84.648.685.636)
II. Tài sản cố định	220		371.906.119.749	387.574.572.618
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	228.135.840.965	235.103.842.422
- Nguyên giá	222		266.558.988.888	267.688.091.104
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.423.147.923)	(32.584.248.682)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	140.857.878.784	143.575.952.676
- Nguyên giá	228		152.598.150.000	152.598.150.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.740.271.216)	(9.022.197.324)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	2.912.400.000	8.894.777.520
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	69.267.364.837	174.733.374.302
1. Đầu tư vào công ty con	251		54.400.000.000	54.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	253		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		89.111.596.200	192.321.596.200
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(74.244.231.363)	(71.988.221.898)
V. Tài sản dài hạn khác	260		349.690.157	100.220.277
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	349.690.157	100.220.277
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.055.836.678.643	1.073.985.724.377

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		709.792.146.397	728.466.257.976
I. Nợ ngắn hạn	310		602.850.570.553	617.685.402.780
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	37.629.041.018	45.905.926.411
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	98.885.410.940	112.736.723.790
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		67.760.771.797	81.520.987.019
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		31.124.639.143	31.215.736.771
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	3.542.221.034	4.945.933.007
5. Phải trả người lao động	315	V.14	17.338.989.770	16.230.253.621
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	14.138.488.207	14.349.070.213
9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	V.16	4.153.029.180	3.585.702.624
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
13. Dự phòng nghiệp vụ	329	V.17	427.163.390.404	419.931.793.114
13.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		135.499.807.435	146.199.835.148
13.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		53.954.403.731	42.000.747.725
13.2. Dự phòng dao động lớn	329.3		237.709.179.238	231.731.210.241
II. Nợ dài hạn	330		106.941.575.844	110.780.855.196
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	106.941.575.844	110.689.655.196
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.18	-	91.200.000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		346.044.532.246	345.519.466.401
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	346.044.532.246	345.519.466.401
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(102.600.000)	(102.600.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		2.371.872.054	2.371.872.054
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(356.224.739.808)	(356.749.805.653)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước</i>	<i>421.1</i>		<i>(356.749.805.653)</i>	<i>(357.535.068.528)</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>	<i>421.2</i>		<i>525.065.845</i>	<i>785.262.875</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.055.836.678.643	1.073.985.724.377

Người lập biểu

mm

Nguyễn Thị Quỳnh Trâm

Kế toán trưởng

ĐĐH

Đặng Đức Hoàng

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2024



Huỳnh Thái Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHẦN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		455.877.718.592	427.049.540.698
2. Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	11		-	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.06	18.106.316.742	22.167.912.652
4. Thu nhập khác	13	VI.09	32.285.076.816	35.199.142.672
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20		347.315.462.942	346.707.751.881
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.07	30.583.952.356	28.868.464.811
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	VI.08	97.096.960.779	106.633.317.664
9. Chi phí khác	24	VI.10	30.260.123.106	1.066.451.644
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50		1.012.612.967	1.140.610.022
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	487.547.122	355.347.147
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		525.065.845	785.262.875
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	8	11
15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	80	VI.13	8	11

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=1.1+1.2-1.3)	01	VI.01	507.588.908.413	504.993.806.303
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		492.026.913.786	420.260.447.708
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		4.861.966.914	4.073.421.529
- Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(10.700.027.713)	(80.659.937.066)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02.1-02.2)	02	VI.02	60.129.008.034	87.775.368.678
Trong đó:				
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		34.856.916.006	24.705.938.578
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(25.272.092.028)	(63.069.430.100)
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		447.459.900.379	417.218.437.625
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04	VI.03	8.417.818.213	9.831.103.073
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		8.417.818.213	9.831.103.073
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		-	-
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		455.877.718.592	427.049.540.698
6. Chi phí bồi thường	11		51.074.288.249	80.572.843.415
Trong đó:				
- Tổng chi bồi thường	11.1		51.074.288.249	80.572.843.415
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		-	-
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		3.166.870.688	7.025.821.526
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		11.953.656.006	(29.906.009.949)
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(2.260.687.866)	(6.709.201.042)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15	VI.04	62.121.761.433	50.350.212.982
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16	V.19	4.620.319.647	3.996.279.312
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	VI.05	280.573.381.862	292.361.259.587
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		63.114.278.240	71.817.031.043
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		217.459.103.622	220.544.228.544
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		347.315.462.942	346.707.751.881
14. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		108.562.255.650	80.341.788.817

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		-	-
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		-	-
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=20-21)	22		-	-
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.06	18.106.316.742	22.167.912.652
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.07	30.583.952.356	28.868.464.811
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		(12.477.635.614)	(6.700.552.159)
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	97.096.960.779	106.633.317.664
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	30		(1.012.340.743)	(32.992.081.006)
23. Thu nhập khác	31	VI.09	32.285.076.816	35.199.142.672
24. Chi phí khác	32	VI.10	30.260.123.106	1.066.451.644
25. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.024.953.710	34.132.691.028
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.012.612.967	1.140.610.022
27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	487.547.122	355.347.147
28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		525.065.845	785.262.875
30. Lãi trên cổ phiếu	70	VI.12	8	11
31. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	80	VI.13	8	11

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh Trâm

Kế toán trưởng

Đặng Đức Hoàng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.012.612.967	1.140.610.022
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8.9	9.686.075.349	9.732.491.928
- Các khoản dự phòng	03		18.995.723.194	(17.553.237.352)
- Các khoản dự phòng nghiệp vụ			34.764.377.184	(39.316.521.834)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(4.306.668)	(236.003.219)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		12.125.432.683	(21.991.497.165)
- Chi phí lãi vay	06	VI.7	8.185.458.613	20.653.940.163
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		84.765.373.322	(47.570.217.457)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(104.915.100.687)	110.604.336.233
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		257.467.113	32.471.341
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(12.916.349.081)	(37.094.347.816)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		1.808.105.881	4.591.501.185
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.7	(8.185.458.613)	(20.653.940.163)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.451.942.165)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(40.637.904.230)	9.909.803.323
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(33.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	91.479.091
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		(728.413.575.600)	(326.623.855.717)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		768.276.690.141	234.704.990.734
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		6.420.000.000	4,937,000,000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		8.485.349.354	24.440.025.815
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		54.768.463.895	(62.483.358.077)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	T/M	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSFH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.1	9.257.618.174	98.359.086.344
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(21.282.582.919)	(51.760.211.389)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.024.964.745)	46.598.874.955
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		2.105.594.920	(5.974.679.799)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.452.789.832	9.191.466.412
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.306.668	236.003.219
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.01	<u>5.562.691.420</u>	<u>3.452.789.832</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh Trâm

Kế toán trưởng

Đặng Đức Hoàng

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2024





VASS ASSURANCE CORPORATION

Today Not Tomorrow

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

- Căn Cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Viễn Đông (VASS);
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát cụ thể như sau:

I. Tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát hiện nay gồm 03 thành viên, đã phân công nhiệm vụ thay mặt cổ đông thực hiện soát xét tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty cụ thể:
 - + Xem xét tính pháp lý, trình tự và thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban Điều hành;
 - + Trao đổi, tham gia ý kiến, đưa ra các đề xuất với HĐQT, Ban Điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh Công ty.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành. Giám sát hoạt động tài chính Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ thận trọng trong tổ chức công tác kế toán, lập báo cáo tài chính... Xem xét các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh của Công ty theo định kỳ.
- Kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật, Điều lệ của Công ty, việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
- Báo cáo tài chính 2023 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học T.P Hồ Chí Minh.
- Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp của HĐQT, của Ban Điều Hành nhằm triển khai công việc theo nhiệm vụ, chức năng được giao, bám sát nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Trong năm 2023, Ban Kiểm soát không nhận được thư khiếu nại hay tố cáo.
- Phối hợp với Phòng Kiểm soát nội bộ - Tuân thủ, P.kế toán tập trung kiểm tra, giám sát tính tuân thủ của nhân viên đối với các quy định, chính sách và quy chế nội bộ của Công ty.

II. Kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động năm 2023

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính : triệu đồng.

Chi tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Kế hoạch 2023	Năm 2023	% thực hiện	2023/2022
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	1.032.859,74	427.049,54	421.378	455.877,72	108,19%	106,75%
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	690.822	346.707,75		347.315,46		
<i>Trong đó:</i>						
Tổng chi bồi thường bảo hiểm	60.614,66	50.350,21		62.121,76		
Chi hoa hồng bảo hiểm	171.998,09	71.817,03		63.114,28		
Trích dự phòng dao động lớn	9.180,12	3.996,28		4.620,32		
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	449.028,89	220.544,23		217.459,10		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	324.258,77	106.633,32		97.096,96		
Lợi nhuận (+) / Lỗ (-) từ hoạt động tài chính và hoạt động khác.	-15.621,63	27.431,64		-10.452,68		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	2.157,56	1.140,61	1.305	1.012,61	77,59%	88,78%
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.157,56	785,27		525,07		
Lỗi lũy kế	-356.349,55	-356.749,10		-356.224,74		

Về Doanh thu.

Doanh thu bảo hiểm năm 2023 đạt gần 456 tỷ đồng, đạt 108,19% so với kế hoạch Đại hội Cổ đông giao. So với năm 2022, Doanh thu tăng trưởng hơn 6,76%. Trong gần 2 năm qua, việc sụt giảm doanh thu, nguyên nhân chủ yếu do Công ty cơ cấu lại sản phẩm, lựa chọn sản phẩm có hiệu quả, chọn lọc khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro.

Về Lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế tất cả các hoạt động 525,07 triệu đồng, Đối với chỉ tiêu lợi nhuận, Công ty chỉ đạt 77,6% so với chỉ tiêu ĐHCĐ giao và bằng 88,78% so với năm trước.

Tuy doanh thu tăng trưởng hơn năm trước, nhưng hiệu quả lại kém hơn. Trong đó, khoản mục chi phí bồi thường tăng khá nhiều, trong khi các khoản chi phí còn lại đã có tiết giảm được hơn.

Một số chỉ tiêu tài chính:

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế / Tổng Tài sản (ROA)	%	0,17%	0,07%	0,05%
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,62%	0,23%	0,15%
Lợi nhuận / Doanh thu thuần	%	0,21%	0,18%	0,12%
Phí bảo hiểm / Vốn Chủ sở hữu	%	278,86%	121,56%	142,19%
Chỉ tiêu Nợ phí bảo hiểm / phí bảo hiểm gốc	%	11,69%	4,32%	11,17%
Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	345.920	345.519	346.045

Chỉ số khả năng sinh lời (của Vốn Chủ sở hữu ,Tài sản...) năm 2023 thấp hơn so với các năm năm 2021 và 2022.



**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 29/04/2024,

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG
QUYẾT NGHỊ**

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị, Báo cáo hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán và Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh năm 2024, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2028 (tài liệu đính kèm).

(Số cổ phần chấp thuận là CP đạt tỷ lệ ... % tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội)

Điều 2. Thông qua Tờ trình của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2024 (Tờ trình đính kèm).

Ủy quyền cho Tổng Giám đốc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2024.

(Số cổ phần chấp thuận là CP đạt tỷ lệ ... % tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội)

Điều 3. Công bố danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2028:

- Hội đồng quản trị:
 - Ông/Bà ...
- Ban Kiểm soát:
 - Ông/Bà...

Điều 4. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty hoàn chỉnh các văn bản liên quan đến các quyết định của Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 đã được biểu quyết thông qua và chịu trách nhiệm thực hiện.

(Số cổ phần chấp thuận là CP đạt tỷ lệ ...% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội)

Điều 5. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký, tất cả các Cổ đông của Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông, Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nội nhân:

- Như điều 5;
- Công bố thông tin;
- Các Cơ quan chức năng;
- Lưu.

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ Tọa**

Chỉ tiêu nợ phi trên tổng phí gốc đánh giá mức độ chiếm dụng phí năm nay tăng so với năm trước. Theo khung đánh giá của Nhà nước quy định, tỷ số này nên $\leq 20\%$, vẫn nằm trong biên cho phép. Tuy vậy, Công ty cũng cần cải thiện chỉ số này hơn.

2. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị và Ban Điều Hành

Năm qua, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp và ban hành các Nghị quyết để Ban Điều hành có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành bám sát Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành trong việc thực thi các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, tuân thủ điều lệ Công ty và pháp luật của Nhà nước.

Mối tương tác giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành khá thông suốt, tạo điều kiện tiền đề cho việc giám sát, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh được kịp thời.

3. Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc

Cùng với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong việc điều hành sản xuất kinh doanh. Nhìn chung, Ban Điều hành có tuân thủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo đúng Pháp luật và Điều lệ.

Về điều hành kinh doanh, Ban Điều hành nhấn mạnh đến việc thay đổi cơ cấu sản phẩm, chuyển đổi hoạt động các Đơn vị kém hiệu quả. Điều này, đã ảnh hưởng đến quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, khiến kết quả kinh doanh trong 2 năm qua không đạt như mong muốn cả về doanh thu phi bảo hiểm lẫn lợi nhuận.

Cùng với việc triển khai kinh doanh qua kênh bán hàng truyền thống cũng như cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua kênh điện tử, sử dụng App ứng dụng trên điện thoại di động.

Chú trọng nhiều đến hiệu quả hơn là tăng trưởng doanh thu mà chọn lọc khách hàng ít rủi ro.

4. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành về công tác điều hành hoạt động của Công ty.

Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ báo cáo tài chính; Được cung cấp các tài liệu, thông tin khi có yêu cầu.

Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát vẫn trao đổi thông tin qua lại, làm việc trên tinh thần đoàn kết, cởi mở, thẳng thắn đóng góp xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả cho Công ty.

III. Nhận xét

Mặc dù Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu về kinh doanh như ĐHĐCĐ đã giao. Nhìn chung, trong các hoạt động, Công ty tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan, chấp hành đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định, trong quá trình thực thi nhiệm vụ, thể hiện tinh trung thực, khách quan. Ban Kiểm soát tự đánh giá đã tương đối hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao.

IV. Kế hoạch năm 2024 của Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện nhiệm vụ việc thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quyết định, Quy chế, Quy trình nội bộ của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Tham gia các cuộc họp định kỳ và đột xuất nếu cần để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, tham gia ý kiến để đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát

Trên đây là báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Ban kiểm soát xin trân trọng cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



TRẦN ĐỨC HOÀI





VASS ASSURANCE CORPORATION

Today Not Tomorrow

Tp. HCM, ngày 15 tháng 09 năm 2024

Số: 01/2024/TT-BKS

TỜ TRÌNH

V/v: lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Nơi gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty CP. Bảo hiểm Viễn Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ tình hình thực tế về yêu cầu tiến độ và chất lượng kiểm toán.

Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc lựa chọn các đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 với tiêu chí như sau:

1. Các loại báo cáo tài chính cần soát xét:

Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024.

2. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán có đủ điều kiện và kinh nghiệm cung cấp dịch vụ Kiểm toán cho các doanh nghiệp Bảo hiểm, cho Công ty Đại chúng lớn (nếu cần thiết)
- Có đội ngũ kiểm toán đảm bảo chất lượng và tiến độ kiểm toán BCTC.
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty Viễn Đông yêu cầu.

3. Đề xuất:

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị và / hoặc Tổng Giám đốc lựa chọn 1 trong những đơn vị kiểm toán sau đây để kiểm toán BCTC năm 2024:

1. Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ tin học TP HCM AISC.
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
4. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
5. Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam (E & Y)

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty, Ban TGD;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TRẦN ĐỨC HOÀI